TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 - HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 27 – 9 - 2025
"Về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hà Anh Đông.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Mai và bà Vũ Thị Linh.

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Nguyễn Đức Phú, Thẩm tra viên Toà án nhân dân khu vực 9 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Thiện - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 50/2025/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2025 về việc "Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 12/9/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Vi Thị L**, sinh ngày 02/6/1994; số CCCD: 024194000….; số hộ chiếu: C9163….; địa chỉ trước khi xuất cảnh: thôn V, phường T, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Số A, đường Đ, quận X, thành phố T, Đài Loan (Trung Quốc).

Người được nguyên đơn uỷ quyền nhận văn bản tố tụng: Ông Đoàn Hồng H, địa chỉ: Khu dân cư K, phường C, thành phố Hải Phòng.

- *Bị đơn:* Anh **Phạm Văn H1**, sinh ngày 20/7/1989; CCCD số: 030089009…..; số hộ chiếu: C8584….; địa chỉ trước khi xuất cảnh: thôn V, phường T, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Đài Loan (Trung Quốc).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông **Phạm Văn T**, sinh năm 1963 và bà **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1967; đều trú tại: Tổ dân phố V, phường T, thành phố Hải Phòng.

Chị L, anh H1, ông T và bà C vắng mặt tại phiên toà đều có quan điểm đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai - Nguyên đơn chị Vi Thị L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh H1 tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thị xã C, tỉnh Hải Dương (nay là phường T, thành phố Hải Phòng) ngày 08/11/2016. Sau ngày cưới vợ chồng sống cùng bố mẹ anh H1 tại thôn V, phường T, thành phố Hải Phòng. Thời gian sống chung vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau về tính cách, lối sống cũng như trong việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình và chăm sóc con cái; cuộc sống gia đình ngột ngạt, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, không có tiếng nói chung; vợ chồng đã nhiều lần hoá giải mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm, tuy nhiên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nhiều và không thể hoá giải được. Đến đầu năm 2020 anh H1 đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan đến nay chưa về nước; đầu năm 2024 chị L cũng đi lao động tại Đài Loan, khi sang Đài Loan làm việc chị L, anh H1 không sống cùng nhau, cũng ít nói chuyện với nhau khiến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, ly thân từ năm 2020 đến nay. Quá trình mâu thuẫn, đã được gia đình hai bên động viên hoà giải và khuyên nhủ nhưng không có kết quả. Đến nay, chị L xác định tình cảm giữa chị và anh H1 không còn, không thể tiếp tục sống chung cùng nhau được nữa, đề nghị Toà án nhân dân Khu vực 9 – Hải Phòng giải quyết cho được ly hôn anh H1.

Về quan hệ con chung: Chị L và anh H1 có 02 con chung là Phạm Thị Quỳnh H2, sinh ngày 01/3/2018 và Phạm Thị Quỳnh N, sinh ngày 02/6/2021. Hiện tại 02 con chung đang ở cùng anh H1 và ông bà nội là ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị C ở địa chỉ: thôn V, phường T, thành phố Hải Phòng. Khi ly hôn, chị L và anh H1 thoả thuận để anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung, chị L và anh H1 tự thoả thuận về cấp dưỡng nuôi con chung. Trong thời gian anh H1 ở nước ngoài, chị L đồng ý để ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị C là bố mẹ đẻ anh H1 nuôi dưỡng, chăm sóc các con chung hộ anh H1 cho đến khi anh H1 về nước.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức chung: Chị L không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Theo bản tự khai, bị đơn anh Phạm Văn H1 trình bày*:

+ Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị L được tự do tìm hiểu, thời gian đăng ký kết hôn như chị L trình bày là đúng. Để phát triển kinh tế năm 2020 anh H1 đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, đầu năm 2024 chị L cũng đi Đài Loan lao động, mỗi người sống một nơi dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được

tiếng nói chung. Nay anh cũng xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị L có đơn xin ly hôn anh đồng ý, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

+ Về quan hệ con chung: Anh và chị Vi Thị L có 02 con chung như chị L trình bày là đúng, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung. Hiện tại anh đang ở nước ngoài nên thống nhất uỷ quyền cho bố mẹ đẻ anh là ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị C, địa chỉ tại thôn V, phường T, thành phố Hải Phòng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung cho đến khi anh về nước. Anh và chị L tự thoả thuận về cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung, nợ chung, công sức chung: Anh H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị C (là bố mẹ đẻ của anh Phạm Văn H1) trình bày: Ông, bà là bố mẹ đẻ của anh Phạm Văn H1, hiện tại ông bà đang chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung của anh H1, chị L là cháu Phạm Thị Quỳnh H2, sinh ngày 01/3/2018 và cháu Phạm Thị Quỳnh N, sinh ngày 02/6/2021. Nếu anh H1 và chị L ly hôn, ông, bà đồng ý nhận ủy quyền của anh H1 chăm sóc, nuôi dưỡng 02 cháu: Phạm Thị Quỳnh H2, và Phạm Thị Quỳnh N trong thời gian anh H1 không có mặt tại Việt Nam.

- Cháu Phạm Thị Quỳnh H2 có nguyện vọng được ở với bố và ông, bà nội khi bố mẹ ly hôn.

- Đại diện Viện kiểm sát Khu vực 9 – Hải Phòng phát biểu quan điểm:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy mâu thuẫn giữa chị Vi Thị L và anh Phạm Văn H1 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị L được ly hôn anh H1.

Về con chung: Giao 02 con chung cháu Phạm Thị Quỳnh H2, sinh ngày 01/3/2018 và cháu Phạm Thị Quỳnh N, sinh ngày 02/6/2021 cho anh Phạm Văn H1 chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong thời gian anh H1 không ở Việt Nam nên giao 02 con chung cho bố mẹ đẻ của anh H1 là ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị C chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh về nước; mức cấp dưỡng nuôi con chung do hai bên tự thoả thuận.

Về án phí: Chị Vi Thị L phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét ý kiến của các đương sự, *quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Hải Phòng, Hội đồng xét xử nhận định*:

[1].Về tố tụng:

[1.1]. Nguyên đơn, chị Vi Thị L và bị đơn anh Phạm Văn H1 hiện đang lao động và sinh sống tại Đài Loan (Trung Quốc), trước khi xuất cảnh đều cư trú tại tổ dân phố V, phường T, thành phố Hải Phòng. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng.

[1.2]. Tài liệu của chị L và anh H1 gửi về Việt Nam (Đơn ly hôn, giấy uỷ quyền, bản sao căn cước công dân, hộ chiếu và tự khai) đã được xác nhận của Văn phòng K tại Đ, Đài Loan (Trung Quốc) được xác định là chứng thực hợp lệ và thể hiện ý chí, nguyện vọng của chị L và anh H1.

[1.3]. Tại phiên toà, chị Nguyễn Thị L1, anh Phạm Văn H1, ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị C vắng mặt, các đương sự đều đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chi Vi Thị L và anh Phạm Văn H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thị xã C, tỉnh Hải Dương ngày 08/11/2016. Do vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Thời gian sống chung vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau về tính cách, lối sống cũng như trong việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình và chăm sóc con cái. Đầu năm 2020 anh H1 đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, đến đầu năm 2024 chị L cũng đi lao động tại Đài Loan, vợ chồng ít quan tâm đến nhau, vì thế mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, vợ chồng đã ly thân từ năm 2020 đến nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị L có đơn xin ly hôn, anh H1 cũng đồng ý. Do vậy, có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa chị L và anh H1 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2]. *Về quan hệ con chung*: Chị Vi Thị L và anh Phạm Văn H1 có hai con chung là Phạm Thị Quỳnh H2, sinh ngày 01/3/2018 và Phạm Thị Quỳnh N, sinh ngày 02/6/2021. Ly hôn, chị L, anh H1 thoả thuận giao cho anh H1 chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con chung. Xét thấy, hiện tại chị L, anh H1 đều đang ở nước

ngoài, cháu H2, cháu N đang sống cùng ông bà nội, các cháu đều được chăm sóc, học tập và phát triển tốt. Do đó, để ổn định cuộc sống của các cháu, cần giao cả 02 con chung cho anh H1 chăm sóc, nuôi dưỡng. Hai bên tự thoả thuận về việc cấp dưỡng nuôi con chung. Trong thời gian anh H1 không ở Việt Nam tạm giao cháu Phạm Thị Quỳnh H2 và cháu Phạm Thị Quỳnh N cho ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị C chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

[2.3]. *Về tài sản chung, nợ chung, công sức chung*: Chị Vi Thị L và anh Phạm Văn H1 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3].Về án phí: Chị Vi Thị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì những lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vi Thị L được ly hôn anh Phạm Văn H1.

2. Về quan hệ con chung: Giao 02 con chung cháu Phạm Thị Quỳnh H2, sinh ngày 01/3/2018 và cháu Phạm Thị Quỳnh N, sinh ngày 02/6/2021 cho anh Phạm Văn H1 chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Trong thời gian anh Phạm Văn H1 không ở Việt Nam, tạm giao cháu Phạm Thị Quỳnh H2 và cháu Phạm Thị Quỳnh N cho ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị C chăm sóc, nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị Vi Thị L phải chịu 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án ký hiệu: BLTU/25E, số: 0000026 ngày 22/7/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Vi Thị L đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Vi Thị L, anh Phạm Văn H1, ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị C vắng mặt tại phiên toà.

Chị Vi Thị L, anh Phạm Văn H1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật;

Ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị C được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Hà Anh Đông

Nơi nhận:
- Các đương sự.
- VKSND Khu vực 9 – Hải Phòng;
- Thi hành án dân sự TP Hải Phòng;
- UBND phường Trần Hưng Đạo, TP Hải Phòng (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu: HSVA, TA.